

Số: /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Công văn đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Địa Ốc Green Land Bình An ngày 16 tháng 10 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 4061/TTr-CCBVMT ngày 14 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Địa Ốc Green Land Bình An, địa chỉ trụ sở chính tại thửa đất 2359 tờ bản đồ 32 QL1K, khu phố Nội Hóa 1, phường Bình An, thành Phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Chung Cư Green Land Bình An tại Quốc lộ 1K, phường Bình An, thành Phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Chung Cư Green Land Bình An.

1.2. Địa điểm hoạt động: Quốc lộ 1K, phường Bình An, thành Phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 3703018341, đăng ký lần đầu vào ngày 29 tháng 11 năm 2021, thay đổi lần 1 ngày 05 tháng 7 năm 2024 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế

hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

1.4. Mã số thuế: 3703018341

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng nhà ở chung cư (để bán, cho thuê, cho thuê mua).

1.6. Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Chung Cư Green Land Bình An.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.7.1. Phạm vi: Tổng diện tích đất sử dụng: 4.287,8 m².

1.7.2. Quy mô, công suất:

- Dự án nhóm B theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy mô: 01 khối chung cư với 29 tầng nổi (gồm 3 tầng đế và 26 tầng tháp), 2 tầng hầm, khoảng 490 căn chung cư. Quy mô dân số khoảng 977 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Địa Ốc Green Land Bình An được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Địa Ốc Green Land Bình An có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; thu gom, đầu nối nước thải, đảm bảo nước thải được xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào Hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị tập trung; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách

nhệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (*từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034*).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Chung Cư Green Land Bình An tại Quốc lộ 1K, phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Địa Ốc Green Land Bình An theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Địa Ốc Green Land Bình An;
- Sở Xây dựng;
- UBND thành phố Dĩ An;
- UBND phường Bình An;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, CCBVMT, P.Thao8.

GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1**NỘI DUNG YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom, đấu nối vào Hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị thành phố Dĩ An để xử lý, không xả trực tiếp ra môi trường theo Công văn số 347/BLQ.CNNT-ĐTDA ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Ban Quản lý chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:****1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh:**

- Nguồn số 01: Nước thải đen phát sinh từ hoạt động nhà vệ sinh của các căn hộ, nhà trẻ, khu vực công cộng, khu vực thương mại, dịch vụ với lưu lượng khoảng 41 m³/ngày.đêm được thu gom bằng đường ống uPVC DN100 mm, DN125 mm, DN150 mm, DN200 mm => Bể tự hoại => Ngăn bơm => Đấu nối vào Hệ thống thống thu gom và xử lý nước thải đô thị thành phố Dĩ An.

- Nguồn số 02: Nước thải xám phát sinh từ lavabo, nhà tắm, máy giặt, nhà bếp của các căn hộ, nhà trẻ, khu vực công cộng, khu vực thương mại, dịch vụ với lưu lượng khoảng 194 m³/ngày.đêm được thu gom bằng đường ống uPVC DN80 mm, DN100 mm, DN125 mm, DN200 mm => Bể tách dầu, mỡ kết hợp lọc rác => Ngăn bơm => Đấu nối vào Hệ thống thống thu gom và xử lý nước thải đô thị thành phố Dĩ An.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh phòng chứa rác từng tầng, nhà chứa rác tập trung với lưu lượng khoảng 3 m³/ngày.đêm được thu gom bằng đường ống uPVC DN50 mm, DN100 mm => Bể tách dầu, mỡ kết hợp lọc rác => Ngăn bơm => Đấu nối vào Hệ thống thống thu gom và xử lý nước thải đô thị thành phố Dĩ An.

- Nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động vệ sinh hồ bơi với lưu lượng khoảng 2,4 m³/lần/tuần được thu gom bằng đường ống uPVC DN80 mm => Ngăn bơm => Đấu nối vào Hệ thống thống thu gom và xử lý nước thải đô thị thành phố Dĩ An.

Nước thải phát sinh của toàn dự án sau xử lý sơ bộ được bơm theo đường ống uPVC DN100mm, dài 25m => Ống HDPE DN150mm trên đường Quốc lộ 1K giao với đường ĐT743B, dài khoảng 890m (Chủ đầu tư tự thực hiện) => Ống HDPE DN150mm trên đường ĐT743B, dài khoảng 353m (Chủ đầu tư tự thực hiện) => Đấu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị thành phố Dĩ An tại 1 vị trí trên đường ĐT743B để xử lý, không xả trực tiếp ra môi trường. Tọa độ hỏ ga đấu nối: X (m) = 1.206.383,18; Y (m) = 613.733,37 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰45', múi chiếu 3⁰).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Cụm bể xử lý nước thải sơ bộ của dự án có tổng thể tích 251 m³ bao gồm:

- 01 Bể tự hoại có thể tích $180m^3$ (gồm 03 ngăn: Ngăn chứa $100m^3$, ngăn lắng $40m^3$, ngăn lọc $40m^3$); được xây tại tầng hầm 2, vật liệu BTCT.

- 01 Bể tách dầu, mỡ kết hợp lọc rác có thể tích $51m^3$ (gồm 03 ngăn: Ngăn lọc $25m^3$, ngăn tách mỡ chính $13m^3$, ngăn xả $13m^3$); được xây tại tầng hầm 1, vật liệu BTCT.

- 01 Ngăn bơm có thể tích $20 m^3$ (gồm 02 bơm chìm hoạt động luân phiên, công suất $10m^3$ /giờ/bơm, cột áp $50m$); được xây tại tầng hầm 2, vật liệu BTCT.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị; theo dõi hoạt động của Bể tự hoại, Bể tách dầu mỡ, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét, vớt dầu mỡ tại Bể tách dầu, mỡ.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng khi xảy ra sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Trang bị máy bơm, thiết bị dự phòng cho ngăn bơm nước thải. Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Tách riêng hệ thống thu gom thoát nước mưa và nước thải.

3.2. Đảm bảo thu gom và đầu nối nước mưa theo phương án đã được chấp thuận tại Công văn số 2796/UBND-ĐT ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An.

3.3. Xin Giấy phép thi công tuyến ống thu gom nước thải từ dự án đến hố ga trên đường ĐT743B để đầu nối vào Hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị thành phố Dĩ An.

3.4. Đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.4. Công ty TNHH Địa Ốc Green Land Bình An chịu trách nhiệm đóng phí dịch vụ xử lý nước thải cho Dự án Chung Cư Green Land Bình An theo đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

Khí thải (mùi hôi) phát sinh từ cụm Bể xử lý nước thải sơ bộ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Tại ống thải sau công trình xử lý khí thải (mùi hôi). Tọa độ vị trí xả thải khí thải: X(m) = 1.205.464,615; Y(m) = 613.693,174 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 500 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Liên tục (24/24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, $K_p = 1$, $K_v = 0,8$ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H ₂ S	mg/Nm ³	6	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	NH ₃	mg/Nm ³	40		
3	CH ₃ SH	mg/Nm ³	15		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh để đưa về công trình xử lý khí thải:

Khí thải (mùi hôi) phát sinh từ cụm Bể xử lý nước thải sơ bộ có thành phần chủ yếu là H₂S, NH₃, CH₃SH được thu gom bằng quạt hút cao áp (lưu lượng 500 m³/giờ) qua các đường ống dẫn (uPVC DN125mm) về công trình xử lý khí thải (mùi hôi).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải: Gồm 01 công trình xử lý khí thải (mùi

hôi)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (*mùi hôi*) => Hệ thống ống dẫn (uPVC DN125) => Quạt hút (*lưu lượng 500 m³/giờ, cột áp 2.500 pa*) => Tháp hấp phụ than hoạt tính (*tháp hình trụ, 02 tầng: 01 tầng tách ẩm bằng tấm nhựa và 01 tầng hấp phụ bằng than hoạt tính, D = 600mm, chiều cao 1,7m*) => Ống phát thải (*ống uPVC DN125mm, cao độ +98,25m tính từ mặt đất*).

- Chế độ vận hành: Liên tục.

- Công suất thiết kế: 500 m³/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính với khối lượng 312kg/năm, tần suất thay than 06 lần/năm (*02 tháng/lần*). Khối lượng vật liệu tách ẩm là 300 kg/năm, tần suất thay thế vật liệu tách ẩm khoảng 06 lần/năm (*02 tháng/lần*).

- Số lượng ống thải: 01 ống thải.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra tháp hấp phụ, quạt hút, theo quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra toàn bộ hệ thống để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến 01 tháng (*từ ngày 01 tháng 4 năm 2028 đến ngày 01 tháng 5 năm 2028*).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại 01 ống thải của công trình xử lý khí thải (*mùi hôi*).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải:

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (*giai đoạn hiệu chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý khí thải (mùi hôi)*).

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu tại ống xả thải của công trình xử lý khí thải (mùi hôi)*).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng

quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Xây dựng điểm quan trắc khí thải đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 9 của Quy định Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải. Việc vận hành hệ thống xử lý khí thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu của quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A phụ lục này và ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

3.7. Thực hiện các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu khí thải từ hoạt động thu gom, lưu giữ rác.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

TT	Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:	
1	Nguồn số 01	Khu vực máy phát điện dự phòng đặt tại tầng 1 của dự án (01 máy phát điện dự phòng, công suất 1.000 kVA).
2	Nguồn số 02	Khu vực bơm nước thải của dự án

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

TT	Nguồn phát sinh	Tọa độ (Hệ VN 2.000, kinh tuyến trực 105 ⁰ 45', múi chiều 3 ⁰)
1	Nguồn số 01	X (m) = 1.205.444,102; Y (m) = 613.651,038
2	Nguồn số 02	X (m) = 1.205.463,038 ; Y (m) = 613.695,533

3. Tiếng ồn, độ rung:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Thiết kế hệ thống cách âm cho phòng máy phát điện bằng vật liệu chống ồn, lắp đặt buồng tiêu âm cho máy phát điện, lắp đặt các ống bô giảm thanh cho máy phát.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Máy phát điện được lắp đặt gỏi lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải (*)	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Kí hiệu
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	350	Rắn	16 01 06	NH
2	Các loại dầu mỡ thải	340,5	Lỏng	16 01 08	NH
3	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có chứa các thành phần nguy hại	283	Rắn/lỏng	16 01 09	KS
4	Chất tẩy rửa thải có chứa các thành phần nguy hại	120	Lỏng	16 01 10	KS
5	Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện thải có linh kiện điện tử; đèn led	460	Rắn	16 01 13	NH
6	Bao bì mềm (đã chứa hóa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải (bao bì chứa chất tẩy rửa, sát trùng, phân bón,...)	220	Rắn	18 01 01	KS
7	Bao bì kim loại (đã chứa hóa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải (bình xịt côn trùng, bình xịt phòng,...)	275	Rắn	18 01 02	KS
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải ra là chất thải nguy hại) thải (thùng sơn thải, bao chứa hóa chất, chai lọ đựng hóa	210	Rắn	18 01 03	KS

	<i>chất, vỏ chai, bao bì thuốc bảo vệ thực vật...)</i>				
9	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại thải	130	Rắn	18 02 01	KS
10	Pin, ắc quy chì thải	130	Rắn	19 06 01	NH
11	Than hoạt tính thải bỏ từ công trình xử lý khí thải (<i>mùi hôi</i>)	312	Rắn	19 12 03	KS
Tổng khối lượng		2.830,5			

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ bể tự hoại	-	150.760
2	Dầu mỡ thải từ bể tách mỡ	12 06 11	7.077
3	Vật liệu tách ẩm	-	300
Tổng khối lượng			158.137

1.3. Khối lượng chất thải rắn chất thải sinh hoạt phát sinh: Khi Dự án đi vào hoạt động, chất thải rắn sinh hoạt bao gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (*bao nylon, vỏ lon, thủy tinh, giấy vụn,...*); chất thải thực phẩm (*rau quả, thực phẩm thừa,...*); chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý với khối lượng khoảng 1.375 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 11 thùng chứa loại 120 lít có nắp đậy, không rò rỉ, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại với diện tích 10m² (*bố trí tại tầng 1 của Khu chung cư*).

- Thiết kế, cấu tạo kho: Vách tường ốp gạch bao xung quanh; nền gạch chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo (*kích thước mỗi chiều tối thiểu 30 cm*); trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (*như cát khô hoặc mùn cưa;...*) theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Trang bị 04 thùng loại 240 lít (*có nắp đậy*) để lưu chứa dầu, mỡ thải, định kỳ 02 tuần/lần hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Bùn thải từ bể tự hoại được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Tần suất thu gom: 06 tháng/lần.

- Vật liệu tách ẩm được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Tần suất thu gom: 02 tháng/lần.

2.2.2. Kho lưu chứa: Bố trí cùng kho chứa chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại tầng 1 của Khu chung cư.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với phòng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại từng tầng của khu chung cư: Trang bị 01 thùng chứa màu xanh loại 240 lít có nắp đậy chứa chất thải thực phẩm, 01 thùng chứa màu xám loại 120 lít có nắp đậy chứa chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và 01 thùng chứa màu vàng loại 120 lít chứa các loại chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý.

- Đối với nhà chứa chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại tầng 1 của khu chung cư: Trang bị 04 thùng chứa màu xanh loại 660 lít chứa chất thải thực phẩm, 02 thùng chứa màu xám loại 660 lít chứa chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và 01 thùng chứa màu vàng loại 660 lít chứa các loại chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Tại mỗi tầng bố trí 01 phòng lưu chứa chất thải diện tích 5m² với thiết kế, cấu tạo: Vách tường ốp gạch bao xung quanh, nền gạch chống thấm, không rạn nứt, có cửa ra vào, 01 quạt hút mùi kích thước 250mm x 250mm, có trang bị 1 vòi nước và bố trí miệng thu nước trên sàn kích thước 100mm x 100mm, có cửa ra vào, để thuận tiện cho việc thu gom và vận chuyển chất thải.

- Kho lưu chứa tập trung tại tầng 1 của khu chung cư diện tích 20 m² với thiết kế, cấu tạo: Vách tường ốp gạch bao xung quanh, nền gạch chống thấm, không rạn nứt, bố trí 01 quạt hút mùi kích thước 250mm x 250mm đặt trên mái, có trang bị 1 vòi nước và bố trí miệng thu nước trên sàn kích thước 100mm x 100mm, có cửa ra vào, để thuận tiện cho việc thu gom và vận chuyển chất thải.

2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Xây dựng quy định quản lý khu chung cư; hướng dẫn các hộ dân, nhà trẻ, đơn vị kinh doanh thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (*chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý*), phân loại chất thải nguy hại; tự trang bị các túi đựng rác, thùng chứa rác để lưu giữ chất thải sau phân loại. Các hộ dân, nhà trẻ, đơn vị kinh doanh sẽ mang chất thải rắn sinh hoạt sau khi đã phân loại bỏ vào 03 thùng rác được dán nhãn theo từng loại đặt tại phòng chứa rác của mỗi tầng, định kỳ hàng ngày, nhân viên của Công ty sẽ vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của mỗi tầng lưu chứa vào kho chứa chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại tầng 1 của chung cư bằng thang kỹ thuật và đơn vị thu gom, vận

chuyển tiến hành thu gom với tần suất 01 lần/ngày.

- Đối với dầu, mỡ thải sau khi được vớt từ bể tách dầu mỡ sẽ được lưu chứa trong thùng tại kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Đối với chất thải nguy hại sau khi đã phân loại, người dân, nhà trẻ, đơn vị kinh doanh sẽ tự mang đến lưu giữ tại kho lưu chứa chất thải nguy hại được bố trí tại tầng 1 của Khu chung cư.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Bình An và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Dĩ An theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Bình An về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Bình An nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Dĩ An để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy theo quy định.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình thi công, hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục công trình của Dự án.

4. Đối với khối lượng đất dôi dư cần vận chuyển ra ngoài dự án *(theo quy định về khoáng sản thì đây là loại khoáng sản làm vật liệu san lấp và phải được quản lý, cấp phép theo quy định)*, đề nghị liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục xin cấp phép theo quy định pháp luật về khoáng sản.

5. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng *(công suất 1.000 kVA; nhiên liệu sử dụng là dầu DO)*, chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu có công trình xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

6. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép, số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Cam kết đảm bảo hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án *(hạ tầng giao thông, thoát nước, khu vực lưu giữ chất thải tại từng tầng và khu vực lưu giữ tập trung, các công trình xử lý chất thải,...)* đáp ứng khi dự án đi vào hoạt động ổn định.

9. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.